

KINH TẾ TƯ NHÂN LÀ MỘT KHU VỰC KINH TẾ HAY MỘT THÀNH PHẦN KINH TẾ?

NGUYỄN VĂN THẮNG *

Tóm tắt: Trên sách báo lý luận ở nước ta hiện nay, các khái niệm “kinh tế tư nhân”, “thành phần kinh tế tư nhân” và “khu vực kinh tế tư nhân” cùng được sử dụng để chỉ về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta. Trong ba khái niệm đó, khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” có nội hàm rõ ràng và chặt chẽ hơn. Chính vì vậy, trên cơ sở phân tích các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu ở Việt Nam hiện nay, nhìn từ góc độ quan hệ sản xuất, mà trực tiếp là từ quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất; tác giả bài viết cho rằng, cần sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” để chỉ các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế tư nhân.

Kể từ khi công cuộc đổi mới đất nước được khởi xướng, chế độ tư hữu và các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đã chính thức được thừa nhận và được khuyến khích phát triển ở Việt Nam. Hiện nay, các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất được xác định là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và là một *động lực* phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, cho đến nay, sau gần ba thập kỷ chế độ tư hữu và các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chính thức được thừa nhận và được khuyến khích phát triển, giới nghiên cứu khoa học cũng như các nhà hoạch định chính sách vẫn chưa có

sự thống nhất về cách phân chia và định danh các hình thức tổ chức kinh tế nói chung, đặc biệt là các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay.

Các khái niệm “khu vực kinh tế” và “khu vực kinh tế tư nhân” đã được nhiều nước trên thế giới sử dụng từ lâu và tương đối thống nhất. Còn ở Việt Nam, thời kỳ trước đổi mới, khái niệm “khu vực kinh tế” hầu như chưa được sử dụng và càng không có cái gọi là “khu vực kinh tế tư nhân”. Phải đến Đại hội Đảng VI (năm 1986), lần đầu tiên chúng ta mới sử dụng thuật ngữ “khu vực kinh tế”. Nhưng khi đó, chúng ta mới chỉ nói

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Lâm nghiệp.

đến “khu vực kinh tế quốc doanh” và “khu vực kinh tế tập thể”, còn “khu vực kinh tế tư nhân” vẫn chưa được nói đến. Khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân”, chỉ chính thức được sử dụng từ tháng 3 năm 1989, trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6, khoá VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII (năm 1996), Đảng ta xác định cơ cấu kinh tế nước ta bao gồm: khu vực kinh tế Nhà nước; kinh tế hợp tác xã; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước. Trong Văn kiện này, Đảng ta sử dụng khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân”, nhưng chỉ có kinh tế Nhà nước được gọi là “khu vực kinh tế”, còn các hình thức tổ chức kinh tế khác, trong đó có kinh tế tư nhân, thì không được gọi là “khu vực kinh tế”. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001), xuất phát từ thực tiễn quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và kết quả đóng góp của các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, Đảng ta xác định nền kinh tế Việt Nam có sáu thành phần bao gồm: kinh tế Nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản Nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, cũng trong Văn kiện đại hội này, song song với việc định danh sáu thành phần kinh tế như trên, Đảng ta cũng chia nền kinh

tế Việt Nam thành sáu khu vực là: khu vực kinh tế nhà nước; khu vực kinh tế tập thể; khu vực kinh tế tư nhân; khu vực kinh tế cá thể; khu vực kinh tế hỗn hợp; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, thuật ngữ “thành phần kinh tế” và “khu vực kinh tế” được sử dụng song song, thậm chí là đồng nhất với nhau. Đáng chú ý, khu vực kinh tế tư nhân được xem là một khu vực kinh tế độc lập, song tồn bên cạnh khu vực kinh tế cá thể và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đến đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006), khi Đảng ta chính thức cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân, dưới các hình thức cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân, thì các hình thức tổ chức kinh tế này được gộp lại và gọi chung là “kinh tế tư nhân”. Từ đó, Đại hội X đã xác định lại cơ cấu kinh tế Việt Nam có năm thành phần là: kinh tế Nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế tư bản Nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong Văn kiện đại hội X, Đảng ta cũng sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế”, nhưng chỉ nói đến khu vực kinh tế Nhà nước, mà không nói đến khu vực kinh tế tư nhân, cũng không nói đến các khu vực kinh tế khác.

“Thành phần kinh tế tư bản Nhà nước” là hình thức tổ chức kinh tế dựa trên sự liên doanh, liên kết giữa Nhà nước Việt Nam với tư bản tư nhân trong

và ngoài nước; xét về mặt sở hữu tư liệu sản xuất (góp vốn hoặc tư liệu sản xuất để liên doanh, liên kết), doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ được coi là kinh tế Nhà nước, doanh nghiệp mà tư bản tư nhân nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; còn doanh nghiệp mà tư nhân trong nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là kinh tế tư nhân. Từ thực trạng đó, một lần nữa trong Văn kiện Đại hội XI, Đảng ta đã xác định lại cơ cấu kinh tế Việt Nam gồm bốn thành phần là: kinh tế Nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong Văn kiện đại hội XI, bên cạnh bốn thành phần kinh tế trên, Đảng ta cũng sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế” để nói về kinh tế tư nhân. Như vậy, trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng, thuật ngữ “thành phần kinh tế tư nhân” và “khu vực kinh tế tư nhân” vẫn được song song sử dụng cùng để chỉ về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

Trên các sách báo lý luận ở nước ta hiện nay, các khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân” và “khu vực kinh tế tư nhân” cũng được sử dụng không thống nhất, trong việc xác định các tổ chức kinh tế trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Tác giả Lê Thành Ý (trong bài

Doanh nghiệp với khu vực kinh tế tư nhân, thực trạng và vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững, đăng trong kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phát triển khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam lý luận và thực tiễn”) tuy cho rằng kinh tế tư nhân được hình thành và phát triển dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và lợi ích cá nhân và có hai hình thức sở hữu tư nhân, là sở hữu nhỏ của cá nhân hay hộ gia đình và sở hữu tư nhân lớn, nhưng không chỉ ra các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên hai hình thức sở hữu này. Hai tác giả Đỗ Đức Bình và Trịnh Mai Vân (trong bài “*Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”) cũng cho rằng: “Khu vực kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế được hình thành và phát triển trên cơ sở chủ yếu là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và lợi ích cá nhân”⁽¹⁾; đồng thời đã chỉ ra các hình thức tổ chức kinh tế trong khu vực kinh tế tư nhân là hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp (bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh). Như vậy, các tác giả trên tuy sử dụng khái niệm kinh tế tư nhân nhưng xác định ngoại diên của khái niệm khu vực kinh tế tư nhân như trên

⁽¹⁾ Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội (2012), *Phát triển khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam lý luận và thực tiễn*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. tr. 32.

vẫn chưa đầy đủ và rõ ràng, bởi lẽ trong các loại hình doanh nghiệp trên, chưa xác định đối với loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư của tư nhân nước ngoài - một loại hình doanh nghiệp cũng được hình thành và phát triển trên cơ sở chủ yếu là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và lợi ích cá nhân chi phối. Trong cuốn *Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng*, tác giả Vũ Hùng Cường xác định khu vực kinh tế tư nhân có hai khu vực. *Một là* khu vực kinh tế tư nhân trong nước; đó là các doanh nghiệp vốn trong nước mà nguồn vốn thuộc sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân một người hoặc một nhóm người hoặc có sở hữu Nhà nước nhưng chiếm từ 50% vốn điều lệ trở xuống, kinh tế cá thể (bao gồm các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần tư nhân và công ty cổ phần có vốn Nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống, hộ gia đình). *Hai là* khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đó là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, không phân biệt tỷ lệ vốn bên nước ngoài đóng góp là bao nhiêu (bao gồm các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh giữa nước ngoài với các đối tác trong nước)⁽²⁾. Tác giả Vũ Hùng Cường tuy cũng gọi kinh tế tư nhân là một khu vực kinh tế, nhưng lại cho rằng khu vực kinh tế tư nhân lại bao gồm hai khu vực kinh

tế. Về hình thức điều đó chưa thật sự phù hợp vì trong khu vực lại có hai khu vực. Nhìn chung, trên sách báo lý luận hiện nay có tình trạng không thống nhất trong việc sử dụng các khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân” và “khu vực kinh tế tư nhân”, đồng thời cũng chưa thống nhất trong việc xác định các tổ chức kinh tế thuộc “thành phần kinh tế tư nhân” hay “khu vực kinh tế tư nhân”. Đối với các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay, nếu định danh chúng là “thành phần kinh tế tư nhân” mà trong “thành phần kinh tế tư nhân” này lại có các “thành phần kinh tế” khác (như kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, kể cả doanh nghiệp có nguồn vốn trong nước và doanh nghiệp do tư nhân nước ngoài đầu tư), thì điều đó có thể dẫn đến sự không thống nhất trong việc phân định giữa các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở Việt Nam hiện nay, cụ thể là giữa kinh tế cá thể với kinh tế tiểu chủ, cũng như giữa kinh tế tư bản tư nhân trong nước với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Nhìn từ góc độ quan hệ sản xuất mà trực tiếp là từ quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, với mong muốn cung cấp

⁽²⁾ Vũ Hùng Cường (chủ biên) (2011), *Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

thêm một cách tiếp cận trong nghiên cứu về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu ở Việt Nam hiện nay, đồng thời góp phần khắc phục sự không thống nhất trong việc sử dụng các khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân” và “khu vực kinh tế tư nhân” để định danh các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu ở nước ta hiện nay, chúng tôi cho rằng cần sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” để nói về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay. Điều đó xuất phát từ bốn lý do chủ yếu sau:

Thứ nhất, việc sử dụng thuật ngữ “khu vực kinh tế tư nhân” sẽ khắc phục được sự chòng chéo và không thống nhất trong việc sử dụng các khái niệm “khu vực kinh tế” và thuật ngữ “thành phần kinh tế” cùng để nói về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu như hiện nay. Việc sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” với nội hàm để chỉ tất cả các thành phần kinh tế có chung một chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất sẽ đảm bảo tính logic và hợp lý hơn khi sử dụng khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân”. Không nên coi “thành phần kinh tế tư nhân” lại bao hàm nhiều thành phần kinh tế khác (như thành phần kinh tế cá thể, thành phần kinh tế tiểu chủ và thành phần kinh tế tư bản tư nhân). Nếu trong thành phần lại có thành phần, thậm chí có nhiều thành phần, thì điều đó không

hợp lý về logic hình thức trong việc xây dựng và sử dụng khái niệm. Khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” cần được coi là khái niệm rộng hơn và bao hàm khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân”; tức là tất cả thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất sẽ hợp thành “khu vực kinh tế tư nhân”.

Thứ hai, tên gọi và sự tồn tại của “khu vực kinh tế tư nhân” là phù hợp với hình thức sở hữu tư nhân và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hiện có ở nước ta hiện nay. Hình thức sở hữu tư nhân và chế độ tư hữu này đã được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp lý quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể là, trong Văn kiện Đại hội VII (năm 1991), Đảng ta đã khẳng định: “trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng”⁽³⁾. Sở hữu tư nhân được xác định là một trong ba loại hình sở hữu tư liệu sản xuất cơ bản ở Việt Nam hiện nay. Từ đó sẽ hình thành nên các thành phần kinh tế tương ứng với sở hữu tư nhân là kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong các Văn kiện Đại

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.

hội VIII, IX, X, XI và trong nhiều Nghị quyết quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiếp tục cụ thể hoá quan điểm của Đảng về các hình thức sở hữu, tại điều 15 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992) đã ghi nhận: Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Do đó, tương ứng với hình thức sở hữu tư nhân và chế độ tư hữu đã được ghi nhận trong các văn bản có tính pháp lý cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, việc định danh các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay là “khu vực kinh tế tư nhân” là hợp lý cả về lý luận và thực tiễn.

Thứ ba, “khu vực kinh tế tư nhân” là sự thể hiện nét đặc thù, trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Điều đó thể hiện ở chỗ, bên cạnh các quan hệ sản xuất thông thường hình thành nên cơ sở hạ tầng của xã hội Việt Nam hiện nay (đó là quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất thống trị và quan hệ sản xuất mầm mống), nước ta còn tồn tại kiểu quan hệ sản xuất cầu nối, trung gian của thời kỳ quá độ. Theo nghĩa đó, khu vực kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay sẽ

bao hàm kiểu quan hệ sản xuất tàn dư (biểu hiện ở thành phần kinh tế cá thể và kinh tế tiểu chủ) và kiểu quan hệ sản xuất cầu nối, trung gian của thời kỳ quá độ (biểu hiện ở thành phần kinh tế tư bản tư nhân). Đây là một nét đặc thù, đồng thời cũng thể hiện tính đa dạng của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thị trường ở Việt Nam.

Thứ tư, việc định danh “khu vực kinh tế tư nhân” là phù hợp với cách phân chia của thế giới. Vì như trên đã nói, trong thực tế khái niệm “khu vực kinh tế” và sự phân chia nền kinh tế của một quốc gia thành các khu vực kinh tế đã được thế giới sử dụng từ lâu. Tuy nhiên, về cơ bản các nước thường chia nền kinh tế của mình thành hai khu vực: *một là* khu vực kinh tế chính thức (thường dùng để chỉ các thành phần kinh tế thuộc sở hữu nhà nước) và *hai là* khu vực kinh tế phi chính thức hay không chính thức (thường dùng để chỉ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, trong đó chủ yếu nói đến khu vực kinh tế tư nhân).

Sự phân chia nền kinh tế quốc gia thành hai khu vực như trên cũng đã từng được sử dụng ở nước ta trước đây. Tuy nhiên, cách phân chia này không được thừa nhận rộng rãi, vì nó không thực sự phù hợp với điều kiện đặc thù của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; thậm chí theo nhiều người, cách phân chia đó có thể gây tâm

lý phân biệt, đối xử giữa khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế không chính thức cả trong nhận thức và trong chính sách phát triển. Trong điều kiện đặc thù của cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, không nên gọi là khu vực kinh tế phi chính thức để nói về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, mà nên gọi là “khu vực kinh tế tư nhân”. Điều đó không chỉ tạo ra sự thống nhất trong nhận thức, mà còn đảm bảo được sự bình đẳng trong thực tế khi thực hiện các chính sách phát triển giữa khu vực kinh tế Nhà nước với khu vực kinh tế tư nhân và các khu vực kinh tế khác. Đồng thời, điều đó còn có thể tránh được sự kỳ thị và phân biệt đối xử giữa các khu vực kinh tế ở nước ta hiện nay, góp phần thực hiện chủ trương “bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế”⁽⁴⁾.

Đó là bốn lý do cơ bản cho việc sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân”, để chỉ về các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu ở nước ta hiện nay. Việc sử dụng khái niệm “khu vực kinh tế tư nhân” để chỉ các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu để thay thế cho khái niệm “thành phần kinh tế tư nhân” là thay đổi về cách gọi tên các hình thức tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu. Tuy nhiên, sự thay đổi đó có thể cũng làm cho tư duy của nhiều người rõ ràng và chính xác hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Hùng Cường (chủ biên) (2011), *Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Nguyễn Tân Hùng (2005), “Kinh tế thị trường, kinh tế tư nhân và chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (6), tr. 72 - 74.
5. Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội (2012), Kỷ yếu Hội thảo khoa học, *Phát triển khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam lý luận và thực tiễn* thuộc đề tài Nghị định thư “Mô hình phát triển bền vững khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam và khả năng vận dụng bài học kinh nghiệm từ Australia”. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992): *Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Thắng (2013), “Các khu vực kinh tế ở Việt Nam nhìn từ góc độ quan hệ sản xuất”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, (118), tr. 30 - 34.
8. Đinh Thị Thơm (chủ biên) (2003), *Kinh tế tư nhân trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 110.

Kinh tế tư nhân là một khu vực kinh tế hay một thành phần kinh tế?
